



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT YÊN LÀO  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020



Thành viên hãng AGN International  
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International  
Audit | Tax | Advisory



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Tạ Trường Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Chí Thịnh	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Hiền	Thành viên
Bà Nguyễn Khánh Linh	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Cường	Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Giám đốc
Ông Lê Minh Thái	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Cường - Giám đốc.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám Đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Văn Cường**  
**Giám đốc**

Yên Bái, ngày 03 tháng 03 năm 2021



Số: 030301/2021/BCKT-iCPA

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào, được lập ngày 03 tháng 03 năm 2021, từ trang 6 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Công ty còn đang ghi nhận các chi phí của công trình nâng cấp tuyến đường sắt Yên Viên - Lào Cai với số tiền 1,9 tỷ đồng trên tài khoản "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang". Tuy nhiên, các công trình này đã được nghiệm thu quyết toán từ các năm trước. Nếu Công ty ghi nhận theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành thì trên Bảng cân đối kế toán, chỉ tiêu "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" sẽ giảm 1,9 tỷ đồng và chi phí của Công ty sẽ tăng một khoản tương ứng.

Công ty đang ghi nhận chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn phát sinh từ nhiều năm trước nhưng chưa thực hiện phân bổ vào chi phí với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 4,9 tỷ đồng. Nếu Công ty ghi nhận theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành thì trên Bảng cân đối kế toán, chỉ tiêu "Chi phí trả trước" sẽ giảm 4,9 tỷ đồng và chi phí của Công ty sẽ tăng một khoản tương ứng.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã từ chối đưa ra ý kiến đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 02 tháng 03 năm 2020.



**Khúc Đình Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0748-2018-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)**

Ngày 03 tháng 03 năm 2021

**Nguyễn Huy Hùng**  
**Kiểm toán viên**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2335-2018-072-01



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>62.660.956.387</b>	<b>52.485.691.949</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>12.128.588.756</b>	<b>5.416.000.306</b>
1.	Tiền	111	V.1	12.128.588.756	5.416.000.306
<b>II.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>40.238.633.159</b>	<b>31.855.147.799</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	31.524.691.630	22.680.621.564
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		260.361.296	682.013.700
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	8.453.580.233	8.492.512.535
<b>III.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>9.331.971.052</b>	<b>12.824.232.318</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.6	9.331.971.052	12.824.232.318
<b>IV.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>961.763.420</b>	<b>2.390.311.526</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4a	961.763.420	2.390.311.526
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>21.665.585.401</b>	<b>23.794.396.251</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>128.648.450</b>	<b>128.648.450</b>
1.	Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	128.648.450	128.648.450
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.365.250.896</b>	<b>19.493.393.564</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	17.363.166.696	19.437.184.364
	- Nguyên giá	222		40.889.834.879	40.795.334.879
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.526.668.183)	(21.358.150.515)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.5	2.084.200	56.209.200
	- Nguyên giá	228		433.000.000	433.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(430.915.800)	(376.790.800)
<b>III.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.171.686.055</b>	<b>4.172.354.237</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.4b	4.171.686.055	4.172.354.237
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>84.326.541.788</b>	<b>76.280.088.200</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>300</b>		<b>62.780.904.996</b>	<b>55.182.173.069</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>		<b>62.780.904.996</b>	<b>55.182.173.069</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.9	13.273.084.867	10.331.014.493
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.10	23.199.176.418	2.173.076.657
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.11	3.553.890.875	3.957.039.441
4. Phải trả người lao động		314		9.334.319.523	10.826.813.751
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315		139.887.272	139.887.272
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	21.456.000
7. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.8	5.546.144.863	6.141.864.519
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.12	7.734.401.178	21.372.727.654
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		-	218.293.282
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>400</b>		<b>21.545.636.792</b>	<b>21.097.915.131</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>21.545.636.792</b>	<b>21.097.915.131</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		19.000.000.000	19.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển		418		493.658.865	447.658.865
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		2.051.977.927	1.650.256.266
- LNST chưa phân phối năm nay		421		2.051.977.927	1.650.256.266
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>84.326.541.788</b>	<b>76.280.088.200</b>

Nguyễn Thùy Dương  
Người lập biểu

Nguyễn Thùy Dương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Cường  
Giám đốc


Ngày 03 tháng 03 năm 2021




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	126.535.847.018	112.972.232.104
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	126.535.847.018	112.972.232.104
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	114.685.549.369	101.398.459.348
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.850.297.649	11.573.772.756
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.844.852	6.827.386
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.631.481.371	1.952.332.861
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.631.481.371	1.952.332.861
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.359.091.176	7.887.524.411
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.867.569.954	1.740.742.870
11. Thu nhập khác	31		409.493.194	124.000.000
12. Chi phí khác	32		216.747.640	83.117.901
13. Lợi nhuận khác	40		192.745.554	40.882.099
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.060.315.508	1.781.624.969
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	1.008.337.581	131.368.703
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.051.977.927	1.650.256.266
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	1.080	844
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	1.080	844

  
Nguyễn Thùy Dương  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thùy Dương  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Văn Cường  
Giám đốc  
Ngày 03 tháng 03 năm 2021



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	165.346.412.017	128.825.192.253
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(38.510.428.446)	(45.414.813.777)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(49.693.719.847)	(50.900.203.817)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.052.077.130)	(1.952.332.861)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(232.236.165)	(250.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	15.139.612.587	6.673.410.262
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(69.096.492.942)	(35.670.958.685)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>21.901.070.074</b>	<b>1.310.293.375</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.844.852	6.827.386
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>7.844.852</b>	<b>6.827.386</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	28.811.509.657	41.446.232.537
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(42.449.836.133)	(42.532.528.704)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.558.000.000)	(1.520.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(15.196.326.476)</b>	<b>(2.606.296.167)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>6.712.588.450</b>	<b>(1.289.175.406)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5.416.000.306</b>	<b>6.705.175.712</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>12.128.588.756</b>	<b>5.416.000.306</b>

Nguyễn Thùy Dương  
Người lập biểu

Nguyễn Thùy Dương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Cường  
Giám đốc

Ngày 03 tháng 03 năm 2021



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Yên Lào do cổ phần hóa theo quyết định của Bộ Giao thông vận tải, là công ty con thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Ngày 05/01/2016, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 25/05/2017.

Trụ sở chính của Công ty: số 99, đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, phố Hồng Tân, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 2 là 19.000.000.000 đồng.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức, ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng các công trình giao thông đường sắt, đường bộ, công trình thủy lợi, công trình dân dụng, đường dây truyền tải điện và trạm biến áp, san lấp mặt bằng;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành cầu đường;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và kết cấu thép chuyên ngành;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tổng số người lao động thường xuyên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 591 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 615 người).

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, cơ cấu tổ chức của Công ty gồm:

**Đơn vị**

Văn phòng Công ty

**Địa chỉ**

Số 99, đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, phố Hồng Tân, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái

**Chi nhánh**

**Địa chỉ**

1. Chi nhánh Xây lắp Công trình Yên Bái

Số 99, đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, phố Hồng Tân, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái

2. Chi nhánh Sản xuất Vật liệu Lâm Giang

Xã Lâm Giang, Huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 37
Máy móc, thiết bị	11 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị văn phòng	05 - 11

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm	08

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả là toàn bộ số chi phí thực tế đã phát sinh phục vụ cho các hoạt động sản xuất của Công ty theo các hợp đồng kinh tế, lệnh sản xuất.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ lũy kế, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế và không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa theo thuế suất dự tính sẽ được áp dụng cho năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được tính hoặc ghi nhận vào Báo cáo Kết quả kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả có liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	697.519.771	3.749.437.528
Tiền gửi ngân hàng	11.431.068.985	1.666.562.778
<b>Cộng</b>	<b>12.128.588.756</b>	<b>5.416.000.306</b>

**2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	20.692.028.319	9.524.153.866
Ban Quản lý Đường sắt khu vực 1 - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	4.985.564.548
Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	2.418.901.312	1.000.132.416
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Minh Việt	2.784.855.296	2.784.855.296
Công ty CP XD và TM 299	2.235.278.954	1.276.899.954
Ban QLDA Đầu Tư & XD Huyện Bảo Thắng	1.791.133.579	-
Phải thu các đối tượng khác	1.602.494.170	3.109.015.484
<b>Cộng</b>	<b>31.524.691.630</b>	<b>22.680.621.564</b>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.2)	<b>23.110.929.631</b>	<b>15.509.850.830</b>

**3. PHẢI THU NGẮN HẠN/ DÀI HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	2.127.908.530	3.140.000
Phải thu của người lao động	-	7.024.945.131
Tạm ứng	4.839.005.841	1.308.905.420
Phải thu khác	1.486.665.862	155.521.984
<b>Cộng</b>	<b>8.453.580.233</b>	<b>8.492.512.535</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	128.648.450	128.648.450
<b>Cộng</b>	<b>128.648.450</b>	<b>128.648.450</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**4. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	47.787.448	102.147.375
Chi phí trả trước khác	913.975.972	2.288.164.151
<b>Cộng</b>	<b>961.763.420</b>	<b>2.390.311.526</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Lợi thế kinh doanh	169.408.358	178.090.362
Chi phí bóc đất tăng phủ	4.002.277.697	3.994.263.875
<b>Cộng</b>	<b>4.171.686.055</b>	<b>4.172.354.237</b>

**5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	433.000.000	433.000.000
Số dư cuối năm	433.000.000	433.000.000
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	376.790.800	376.790.800
Khấu hao trong năm	54.125.000	54.125.000
Số dư cuối năm	430.915.800	430.915.800
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	56.209.200	56.209.200
Tại ngày cuối năm	2.084.200	2.084.200



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT YÊN LÀO**

Số 99, đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, phố Hồng Tân,  
Phường Hồng Hà, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****6. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.578.336.206	-	3.896.529.963	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.684.807.092	-	7.308.673.457	-
Thành phẩm	681.128.444	-	1.155.888.020	-
<b>Cộng</b>	<b>9.331.971.052</b>	<b>-</b>	<b>12.824.232.318</b>	<b>-</b>

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	21.626.529.748	9.486.390.329	8.911.739.249	770.675.553	40.795.334.879
Mua trong năm	-	-	-	94.500.000	94.500.000
Số dư cuối năm	21.626.529.748	9.486.390.329	8.911.739.249	865.175.553	40.889.834.879
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	9.288.966.979	5.630.247.493	6.032.453.413	406.482.630	21.358.150.515
Khấu hao trong năm	853.737.850	452.305.066	743.580.334	118.894.418	2.168.517.668
Số dư cuối năm	10.142.704.829	6.082.552.559	6.776.033.747	525.377.048	23.526.668.183
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	12.337.562.769	3.856.142.836	2.879.285.836	364.192.923	19.437.184.364
Tại ngày cuối năm	11.483.824.919	3.403.837.770	2.135.705.502	339.798.505	17.363.166.696

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 12.445.301.663 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 13.923.468.916 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 7.288.917.560 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3.825.855.152 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**8. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bảo hiểm xã hội	-	1.341.601
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.546.144.863	6.140.522.918
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	3.548.043.354	5.186.646.378
- Trợ cấp thôi việc	640.668.855	-
- Chi phí vật tư hàng hóa	378.625.447	-
- Các khoản khác	978.807.207	953.876.540
<b>Cộng</b>	<b>5.546.144.863</b>	<b>6.141.864.519</b>
<b>Phải trả khác là bên liên quan</b> (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	<b>3.548.043.354</b>	<b>5.186.646.378</b>

**9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt	157.500.000	157.500.000	257.500.000	257.500.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	1.550.835.029	1.550.835.029	1.550.835.029	1.550.835.029
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	527.017.134	527.017.134	527.017.134	527.017.134
Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	563.141.379	563.141.379	253.693.587	253.693.587
Công ty Cổ phần Cơ khí cầu đường Hà Ninh	2.853.723.011	2.853.723.011	1.477.336.082	1.477.336.082
Công ty Cổ phần Công trình 6	184.709.224	184.709.224	1.321.217.089	1.321.217.089
Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại Xuân Châu	452.330.030	452.330.030	960.450.834	960.450.834
Công ty TNHH Đầu tư XD 568 Nghệ An	-	-	912.461.490	912.461.490
Phải trả cho các đối tượng khác	6.983.829.060	6.983.829.060	3.070.503.248	3.070.503.248
<b>Cộng</b>	<b>13.273.084.867</b>	<b>13.273.084.867</b>	<b>10.331.014.493</b>	<b>10.331.014.493</b>
<b>Các khoản phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan</b> (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.2)	<b>2.640.993.542</b>	<b>2.640.993.542</b>	<b>2.331.545.750</b>	<b>2.331.545.750</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**10. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	-	1.600.000.000	1.600.000.000
Ban QLDA các CT XD CB Huyện Bảo Thắng	-	-	282.170.186	282.170.186
Ban Quản Lý dự án Đường sắt - Bộ GTVT	22.314.800.489	22.314.800.489	-	-
Ban QLDA đầu tư XD các công trình No và PT NT Tỉnh YB (gói 12, 14)	306.000.000	306.000.000	-	-
Ban QLDA ODA tỉnh Lào Cai	243.447.000	243.447.000	-	-
Đối tượng khác	334.928.929	334.928.929	290.906.471	290.906.471
<b>Cộng</b>	<b>23.199.176.418</b>	<b>23.199.176.418</b>	<b>2.173.076.657</b>	<b>2.173.076.657</b>
Các khoản người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	-	-	1.600.000.000	1.600.000.000

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.487.562.811	13.774.296.860	14.804.720.715	3.517.986.666
Thuế thu nhập doanh nghiệp	979.086.230	1.008.337.581	232.236.165	202.984.814
Thuế thu nhập cá nhân	13.921.746	101.341.899	102.338.574	14.918.421
Thuế tài nguyên	55.218.688	584.255.688	696.972.691	167.935.691
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	18.101.400	186.040.000	221.152.449	53.213.849
<b>Cộng</b>	<b>3.553.890.875</b>	<b>15.654.272.028</b>	<b>16.057.420.594</b>	<b>3.957.039.441</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

		Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
		VND	năng trả nợ VND	VND	VND	VND	năng trả nợ VND
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>							
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái	(i)	5.734.401.178	5.734.401.178	19.648.602.238	27.819.641.141	13.905.440.081	13.905.440.081
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái		-	-	6.662.907.419	9.805.194.992	3.142.287.573	3.142.287.573
Phạm Như Quỳnh	(ii)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Nguyễn Đức Mạnh		-	-	-	1.350.000.000	1.350.000.000	1.350.000.000
Nguyễn Thị Kim Thoa		-	-	-	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Phạm Gia Tăng		-	-	-	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Nguyễn Hồng Tuấn		-	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-
<b>Cộng vay ngắn hạn</b>		<b>7.734.401.178</b>	<b>7.734.401.178</b>	<b>28.811.509.657</b>	<b>41.824.836.133</b>	<b>20.747.727.654</b>	<b>20.747.727.654</b>
<b>Phân loại các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>		-	-	-	-	625.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái		-	-	-	-	625.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>7.734.401.178</b>	-	-	-	<b>21.372.727.654</b>	-
(i) Theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/783153/HĐTD ngày 09/08/2020 mục đích để bổ sung vốn lưu động, hạn mức cấp tín dụng tối đa 40.000.000.000 đồng bao gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn là 20.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh là 20.000.000.000đ, thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 09/08/2020, lãi suất được điều chỉnh theo thông báo lãi suất. Tài sản đảm bảo căn cứ theo các hợp đồng thế chấp sau: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2012/HĐ ngày 06/12/2012 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung; hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/783153/HĐBĐ ngày 03/08/2016; hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/783153/HĐBĐ ngày 30/07/2014; hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/783153/HĐBĐ ngày 10/03/2014; hợp đồng thế chấp số 01/2012/HĐ ngày 23/03/2012.							
(ii) Hợp đồng vay tiền ngày 01/01/2020 số tiền vay là 2.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 0.83%/năm thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 01/01/2020.							



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT YÊN LÀO**

Số 99, đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, phố Hồng Tân,  
Phường Hồng Hà, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****13. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>19.000.000.000</b>	<b>162.631.000</b>	<b>2.090.055.730</b>	<b>21.252.686.730</b>
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	1.650.256.266	1.650.256.266
Phân phối lợi nhuận	-	285.027.865	(2.090.055.730)	(1.805.027.865)
<b>Số đầu năm nay</b>	<b>19.000.000.000</b>	<b>447.658.865</b>	<b>1.650.256.266</b>	<b>21.097.915.131</b>
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	2.051.977.927	2.051.977.927
Phân phối lợi nhuận (*)	-	46.000.000	(46.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(46.256.266)	(46.256.266)
Chia cổ tức	-	-	(1.558.000.000)	(1.558.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>19.000.000.000</b>	<b>493.658.865</b>	<b>2.051.977.927</b>	<b>21.545.636.792</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông ngày 04 tháng 06 năm 2020.

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	969.000	9.690.000.000	51%	969.000	9.690.000.000	51%
Ông Nguyễn Chí Thịnh	129.830	1.298.300.000	7%	129.830	1.298.300.000	7%
Vốn góp của cổ đông khác	801.170	8.011.700.000	42%	801.170	8.011.700.000	42%
<b>Cộng</b>	<b>1.900.000</b>	<b>19.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.900.000</b>	<b>19.000.000.000</b>	<b>100%</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT YÊN LÀO**Số 99, đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, phố Hồng Tân,  
Phường Hồng Hà, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.900.000	1.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.900.000	1.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.900.000	1.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.900.000	1.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.900.000	1.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**14. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Số 99, đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, phố Hồng Tân, Phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ chủ yếu là hoạt động quản lý bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam và không có công ty con nào khác. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>126.535.847.018</b>	<b>112.972.232.104</b>
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động sửa chữa thường xuyên KCHTĐS	99.155.839.579	91.739.960.033
Doanh thu hoạt động khác	27.380.007.439	21.232.272.071
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>126.535.847.018</b>	<b>112.972.232.104</b>
<b>Doanh thu với bên liên quan</b>	<b>109.071.423.536</b>	<b>97.181.427.860</b>

*(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)***2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Giá vốn hoạt động sửa chữa thường xuyên KCHTĐS	85.178.930.656	87.173.940.279
Giá vốn hoạt động khác	29.506.618.713	14.224.519.069
<b>Cộng</b>	<b>114.685.549.369</b>	<b>101.398.459.348</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	7.844.852	6.827.386
Cộng	<b>7.844.852</b>	<b>6.827.386</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	1.631.481.371	1.952.332.861
Cộng	<b>1.631.481.371</b>	<b>1.952.332.861</b>

**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.244.801.070	6.677.469.315
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.118.448.602	1.048.573.604
Chi phí quản lý khác	995.841.504	161.481.492
Cộng	<b>7.359.091.176</b>	<b>7.887.524.411</b>

**6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<b>3.060.315.508</b>	<b>1.781.624.969</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	4.142.095.790	719.222.229
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	4.142.095.790	719.222.229
- Chi phí giá vốn không có doanh thu	4.000.000.000	-
- Các khoản chi phí không được trừ khác	113.311.990	719.222.229
- Thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động đầu tư vốn	28.783.800	-
Thu nhập chịu thuế	7.202.411.298	2.500.847.198
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	1.440.482.259	500.169.439
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	(368.800.736)
Giảm thuế TNDN theo nghị định 114/2020/NĐ-CP	(432.144.678)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<b>1.008.337.581</b>	<b>131.368.703</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****7. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.051.977.927	1.650.256.266
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(46.256.266)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.051.977.927	1.604.000.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.900.000	1.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.080	844
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.080	844

Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 như sau:

	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	1.650.256.266	-	1.650.256.266
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(46.256.266)	(46.256.266)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.650.256.266	46.256.266	1.604.000.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.900.000	-	1.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	869	(25)	844

**8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.081.059.150	23.805.096.897
Chi phí nhân công	59.125.952.105	59.025.523.328
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.168.517.668	2.286.896.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	32.261.992.897	21.807.016.705
Cộng	119.637.521.820	106.924.533.486



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Bên liên quan**

Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam  
 Công ty Cổ phần đá Đồng Mỏ  
 Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú  
 Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái  
 Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải  
 Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa  
 Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội  
 Công ty Cổ phần TTTH Đường sắt Hà Nội  
 Ban quản lý Đường sắt khu vực 1 - Tổng Công ty Đường  
 sắt Việt Nam  
 Trung tâm Y tế Đường sắt

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
 Công ty con thuộc TCT  
 Công ty con thuộc TCT  
 Công ty con thuộc TCT  
 Công ty con thuộc TCT  
 Công ty con thuộc TCT  
 Công ty con thuộc TCT  
 Công ty con thuộc TCT  
 Đơn vị phụ thuộc TCT  
 Đơn vị phụ thuộc TCT

**Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
<b>a. Mua hàng</b>	<b>260.929.900</b>	<b>2.100.861.832</b>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	906.122.832
Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	563.141.379	230.630.534
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	260.929.900	1.194.739.000
Trung tâm Y tế Đường sắt	-	197.600.000
Công ty Cổ phần đá Đồng Mỏ	-	90.977.649
<b>b. Nhận cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>794.580.000</b>	<b>775.200.000</b>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	794.580.000	775.200.000
<b>c. Bán hàng</b>	<b>109.071.423.536</b>	<b>105.137.861.396</b>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	109.071.423.536	105.137.861.396



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)****Số dư với bên liên quan**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>23.110.929.631</b>	<b>15.509.850.830</b>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	20.692.028.319	9.524.153.866
Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	2.418.901.312	1.000.132.416
Ban quản lý Đường sắt khu vực 1 - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	4.985.564.548
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>2.640.993.542</b>	<b>2.331.545.750</b>
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	1.550.835.029	1.550.835.029
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	527.017.134	527.017.134
Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	563.141.379	253.693.587
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		<b>1.600.000.000</b>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	1.600.000.000
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>378.625.447</b>	<b>5.186.646.378</b>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	378.625.447	5.186.646.378

Thu nhập của HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:


	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của HĐQT, BGĐ, BKS	1.780.861.546	1.641.513.600

**2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

**3. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.



Nguyễn Thùy Dương  
Người lập biểu



Nguyễn Thùy Dương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Cường  
Giám đốc

Ngày 03 tháng 03 năm 2021